

Bản án số: 143/2024/HNGĐ-ST.

Ngày: 23/8/2024

Về việc: “Xin ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT - TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đặng Thanh Sang

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Ngọc Quế

Bà Lê Thị Vân Anh

Thư ký phiên toà: Bà Đinh Thị Ngọc Lan - Thư ký TAND huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn đất tham phiên toà: Bà Trần Phương Thuý – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 274/2024/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2024 về việc: “*Xin ly hôn*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 119/2024/QĐST - HNGĐ, ngày 09 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 58/2024/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Phạm Thúy H**, sinh năm 1980 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: **Tổ B, ấp V, xã L, huyện H, tỉnh Kiên Giang.**

Bị đơn: Anh **Nguyễn Thành C**, sinh năm 1982 (Vắng mặt).

Địa chỉ: **Tổ B, ấp V, xã L, huyện H, tỉnh Kiên Giang.**

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị **Phạm Thúy H** trình bày như sau:*

- Về hôn nhân: Chị **Phạm Thúy H** và anh **Nguyễn Thành C** tự tìm hiểu yêu thương nhau, sau đó được hai bên gia đình đồng ý tổ chức đám cưới vào trước năm 2006, anh chị có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã **L**, huyện **H**, tỉnh **Kiên Giang** cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 08/3/2019. Thời gian đầu, vợ chồng sống rất hạnh phúc, tuy nhiên thời gian sau thì giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên tranh cãi. Vợ chồng nhiều lần hàn gắn nhưng bất thành. Đến ngày 31/01/2023 do mâu thuẫn nên chị **H** và anh **C** đã ly thân nhau cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể hàn gắn được. Do đó, chị **H** yêu cầu được ly hôn với anh **Nguyễn Thành C**.

- Về con chung: Chị **Phạm Thúy H** và anh **Nguyễn Thành C** có 02 người con chung tên là **Nguyễn Thang H1**, sinh ngày 29/11/1999 và **Nguyễn Chí V**, sinh ngày 18/4/2006. Hiện các con chung của chị **H** và anh **C** đều đã trưởng thành, không có nhược điểm thể chất và tinh thần nên chị **H** không yêu cầu Tòa án giải quyết nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Chị **Phạm Thúy H** và anh **Nguyễn Thành C** tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị **Phạm Thúy H** và anh **Nguyễn Thành C** không có nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quá trình giải quyết vụ án:* Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh **Nguyễn Thành C**. Tuy nhiên, anh **C** không đến Tòa án để làm việc và không thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Tòa án không ghi nhận được lời khai của anh **Nguyễn Thành C** trong hồ sơ vụ án.

** Ý kiến phát biểu của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Về chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của các đương sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014: Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị **Phạm Thúy H** được ly hôn với anh **Nguyễn Thành C**; Về con chung: Các con chung giữa chị **H** và anh **C** đều đã trưởng thành nên không xét. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên không xét; Về án phí: áp dụng khoản 4 Điều 147 BLTTDS và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử: Chị **Phạm Thúy H** phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Theo đơn khởi kiện nguyên đơn chị **Phạm Thúy H** yêu cầu được ly hôn với bị đơn anh **Nguyễn Thành C**. Bị đơn cư trú trên địa bàn **huyện H, tỉnh Kiên Giang**. Xét thấy đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn chị **Phạm Thúy H** có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh **Nguyễn Thành C** đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt nguyên đơn chị **Phạm Thúy H** và bị đơn anh **Nguyễn Thành C** tại phiên tòa.

[3] *Về nội dung vụ án:*

[3.1] *Về hôn nhân:* Qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử có cơ sở xác định chị **Phạm Thúy H** và anh **Nguyễn Thành C** xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, anh chị có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương, có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn và được **xã L, huyện H, tỉnh Kiên Giang** cấp giấy

chứng nhận kết hôn vào ngày 08/3/2019. Như vậy, hôn nhân giữa chị **Phạm Thúy H** và anh **Nguyễn Thành C** là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Theo đơn khởi kiện chị **Phạm Thúy H** yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh **Nguyễn Thành C** do tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn được. Quá trình giải quyết vụ án chị **H** trình bày cuộc sống vợ chồng anh chị mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và thường xuyên cự cãi. Hiện tại, chị **H** và anh **C** không liên lạc, không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa, cũng không thực hiện quyền và nghĩa vụ chung của vợ chồng.

Quá trình giải quyết vụ án tòa án tiến hành giải thích pháp luật và động viên chị **Phạm Thúy H** đoàn tụ với anh **Nguyễn Thành C** nhưng chị **H** vẫn kiên quyết muốn ly hôn với anh **C**. Đồng thời Tòa án cũng tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh **C** hợp lệ cho anh **C** nhưng anh **C** vẫn vắng mặt không đến Tòa án để hòa giải đoàn tụ với chị **H**. Qua xác minh tại địa phương thì cuộc sống hôn nhân giữa chị **H** và anh **C** có mâu thuẫn và hiện đã ly thân nhau. Từ những chứng cứ nêu trên có căn cứ để chứng minh được mối quan hệ hôn nhân giữa chị **H** và anh **C** đã mâu thuẫn đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn và hôn nhân không đạt được mục đích. Nên việc chị **H** xin ly hôn với anh **C** Hội đồng xét thấy có cơ sở để chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[3.2] *Về con chung*: Chị **Phạm Thúy H** xác định trong quá trình chung sống với anh **Nguyễn Thành C** thì anh chị có với nhau 02 người con chung tên là **Nguyễn Thang H1**, sinh ngày 29/11/1999 và **Nguyễn Chí V**, sinh ngày 18/4/2006. Hiện các con chung của chị **H** và anh **C** đều đã trưởng thành, không có nhược điểm thể chất và tinh thần nên chị **H** không yêu cầu Tòa án giải quyết nuôi con chung. Do đó, Hội đồng xét xử miễn xét.

[3.3] *Về tài sản chung*: Chị **H** tự thỏa thuận giải quyết với anh **Nguyễn Thành C**, không yêu cầu Tòa án chia tài sản chung nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[3.4] *Về nợ chung*: Chị **H** xác nhận chị và anh **C** không có nợ ai và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[4] *Về án phí hôn nhân và gia đình*: Chị **Phạm Thúy H** phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Xét ý kiến của Đại diện viện kiểm sát có căn cứ nên hội đồng xét xử chấp nhận trong quá trình nghị án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

* Tuyên Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Phạm Thúy H** về việc ly hôn với anh **Nguyễn Thành C**.

1/. Về hôn nhân: Chị **Phạm Thúy H** được ly hôn với anh **Nguyễn Thành C**.

2/. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên miễn xét.

3/. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị **Phạm Thúy H** phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001074 ngày 21/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Theo đó chị **H** không phải nộp thêm.

4/. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS huyện Hòn Đất;
- Chi cục THADS huyện Hòn Đất;
- Đương sự;
- UBND xã Linh Huỳnh;
- Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thanh Sang

